BÁO CÁO TÌNH HÌNH SẢN XUẤT, XUẤT KHẨU MỸ PHẨM
*(Kèm theo Công văn số 14021/QLD-MP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Cục Quản lý Dược)*

|  |  |
| --- | --- |
| **(Đơn vị báo cáo)**Số: ………… | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc---------------** |
|  | *……, ngày tháng năm* |

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH SẢN XUẤT, XUẤT KHẨU MỸ PHẨM**

|  |  |
| --- | --- |
| Kính gửi: | - Cục Quản lý Dược;- Sở Y tế (nơi đặt trụ sở); |

**I. Thông tin chung**

1. Tên doanh nghiệp:

2. Địa chỉ liên hệ:

- Số điện thoại: Email:

- Họ và tên người lập báo cáo:

- Số điện thoại người lập báo cáo:

3. Loại hình cơ sở và phạm vi kinh doanh của doanh nghiệp:

3.1. Cơ sở sản xuất mỹ phẩm

Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Ngày cấp:

Số Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm: Ngày cấp:

3.2. Cơ sở xuất khẩu mỹ phẩm

Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Ngày cấp:

4. Cơ cấu vốn của doanh nghiệp (tính đến ngày 31/12/2022):

- Vốn điều lệ:

- Tỷ lệ vốn nhà nước (%):

- Tỷ lệ vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (%):

- Tỷ lệ vốn của cổ đông trong nước (không phải của nhà nước) (%):

- Tỷ lệ vốn của tổ chức kinh tế nước ngoài (%):

- Tỷ lệ vốn của quỹ đầu tư trong nước có huy động vốn nước ngoài (%):

- Tỷ lệ nguồn vốn khác (nếu có) (%):

**II. Báo cáo tổng quát sản xuất mỹ phẩm**(Từ 01/01/2020 đến nay)

**1. Về mặt hàng sản xuất**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Dạng sản phẩm** | **Số lượng** | **Đơn vị tính** | **Ghi chú** |
| 1 | Kem, nhũ tương, sữa, gel hoặc dầu dùng trên da (tay, mặt, chân, ….) |  |  |  |
| 2 | Mặt nạ (chỉ trừ sản phẩm làm bong da nguồn gốc hóa học) |  |  |  |
| 3 | Chất phủ màu (lỏng, nhão, bột) |  |  |  |
| 4 | Phấn trang điểm, phấn dùng sau khi tắm, bột vệ sinh,… |  |  |  |
| 5 | Xà phòng rửa tay, xà phòng khử mùi,… |  |  |  |
| 6 | Nước hoa, nước thơm dùng vệ sinh,… |  |  |  |
| 7 | Sản phẩm để tắm (muối, sữa, xà phòng, dầu, gel,….) |  |  |  |
| 8 | Sản phẩm tẩy lông |  |  |  |
| 9 | Sản phẩm khử mùi và chống mùi (giảm mùi mồ hôi) |  |  |  |
| 10 | Sản phẩm chăm sóc tóc*(đề nghị ghi cụ thể theo dạng sản phẩm bên dưới)*:- Nhuộm và tẩy màu tóc- Uốn tóc, duỗi tóc, giữ nếp tóc- Các sản phẩm định dạng tóc- Sản phẩm làm sạch (sữa, bột, dầu gội)- Sản phẩm dưỡng tóc (sữa, kem, dầu)- Các sản phẩm tạo kiểu tóc (sữa, keo xịt tóc, sáp) |  |  |  |
| 11 | Sản phẩm dùng cho cạo râu hoặc sau khi cạo râu (kem, xà phòng, sữa,….) |  |  |  |
| 12 | Sản phẩm trang điểm và tẩy trang dùng cho mặt và mắt |  |  |  |
| 13 | Sản phẩm dùng cho môi |  |  |  |
| 14 | Sản phẩm chăm sóc răng và miệng |  |  |  |
| 15 | Sản phẩm dùng để chăm sóc và trang điểm cho móng tay, móng chân |  |  |  |
| 16 | Sản phẩm dùng để vệ sinh cơ quan sinh dục ngoài |  |  |  |
| 17 | Sản phẩm chống nắng |  |  |  |
| 18 | Sản phẩm làm sạm da mà không cần tắm nắng |  |  |  |
| 19 | Sản phẩm làm trắng da |  |  |  |
| 20 | Sản phẩm chống nhăn da |  |  |  |
| 21 | Sản phẩm khác *(đề nghị ghi rõ)* |  |  |  |

**2. Về doanh thu sản xuất***(ĐVT: Triệu đồng)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Dạng sản phẩm** | **Doanh thu sản xuất** | **Ghi chú** |
| **Năm** **2020** | **Năm** **2021** | **Năm** **2022** | **Dự kiến** **2023** |
| 1 |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |
| *…* |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng** |  |  |  |  |  |

**III. Báo cáo tổng quát xuất khẩu mỹ phẩm**(Từ 01/01/2020 đến nay)

**1. Tổng quan tình hình xuất khẩu**

**a) Về mặt hàng xuất khẩu**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên sản phẩm** | **Dạng sản phẩm** | **Mã HS** | **Số lượng** | **Đơn vị** **tính** | **Ghi chú** |
| 1 |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |

**b) Về doanh thu xuất khẩu***(ĐVT: 1000 USD)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Dạng sản phẩm** | **Mã HS** | **Doanh thu xuất khẩu** | **Ghi chú** |
| **Năm** **2020** | **Năm** **2021** | **Năm** **2022** | **Dự kiến** **2023** |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |
| *…* |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng** |  |  |  |  |  |  |

**2. Thông tin cụ thể:**

- Tổng doanh thu tất cả các sản phẩm xuất khẩu: ………………………

- Top 03 sản phẩm có số lượng xuất khẩu cao nhất:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên sản phẩm | Dạng sản phẩm | Mã HS | Nước nhập khẩu của 03 sản phẩm | Tổng doanh thu của 03 sản phẩm |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |

- Top 03 sản phẩm có doanh thu xuất khẩu cao nhất:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên sản phẩm | Dạng sản phẩm | Mã HS | Nước nhập khẩu của 03 sản phẩm | Tổng doanh thu của 03 sản phẩm |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |

**IV. Các khó khăn, vướng mắc và đề xuất giải pháp:**

*(Để có đánh giá toàn diện, đề nghị đơn vị báo cáo ghi chi tiết, cụ thể)*

1. Thuận lợi:

2. Khó khăn, vướng mắc:

3. Đề xuất giải pháp:

|  |  |
| --- | --- |
| **Người lập báo cáo***(Ký, ghi rõ họ tên)* | **Người đại diện pháp luật***(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức danh)* |